

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính riêng	5 - 27
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh nguyên liệu sơn.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại số 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đại Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2018
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2018
Bà Âu Thiên Hương	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Ủy viên	

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đại Lâm	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) – Chi nhánh phía Bắc đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Đại Lâm

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2015-152-1



AASCN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO.,LTD

Số: 74./2019/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc

Phó Giám đốc

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2015-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 * Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		197.487.666.923	34.230.167.940
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	182.747.353	332.675.215
1.	Tiền	111		182.747.353	332.675.215
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		174.198.623.090	30.938.415.272
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	175.267.720.161	31.645.424.893
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.250.000	380.398.200
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	5.713.808.001	5.714.747.251
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(6.802.155.072)	(6.802.155.072)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	19.323.636.406	917.019.826
1.	Hàng tồn kho	141		20.270.413.422	1.863.796.842
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(946.777.016)	(946.777.016)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.782.660.074	2.042.057.627
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.782.660.074	2.042.057.627
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.354.734.181	27.270.384.304
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		955.596.065	1.085.771.789
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	955.596.065	1.085.771.789
	- Nguyên giá	222		6.336.709.455	6.336.709.455
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.381.113.390)	(5.250.937.666)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	24.399.138.116	26.171.958.707
1.	Đầu tư vào công ty con	251		63.192.142.632	61.592.142.632
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(38.793.004.516)	(35.420.183.925)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	12.653.808
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	-	12.653.808
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222.842.401.104	61.500.552.244

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG


La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

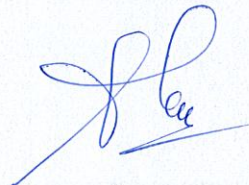
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		193.788.330.603	29.504.186.457
I.	Nợ ngắn hạn	310		193.588.330.603	29.404.186.457
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	193.082.310.298	28.887.909.902
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		61.536.000	61.500.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	28.979.097	30.123.097
4.	Phải trả người lao động	314		25.760.000	52.629.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	50.000.000	31.500.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	126.762.327	127.541.577
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		212.982.881	212.982.881
II.	Nợ dài hạn	330		200.000.000	100.000.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.11	200.000.000	100.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.054.070.501	31.996.365.787
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	29.054.070.501	31.996.365.787
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.000.000.000	111.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		11.718.534.049	11.718.534.049
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(184.664.463.548)	(181.722.168.262)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(181.722.168.262)	(185.464.953.892)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(2.942.295.286)	3.742.785.630
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		222.842.401.104	61.500.552.244

Người lập biểu

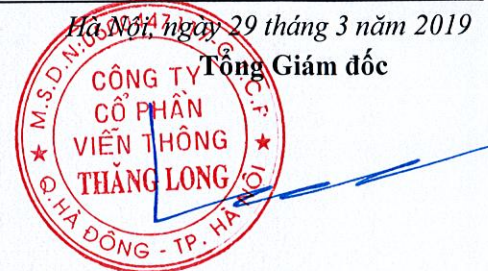


Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiền



Tổng Giám đốc


Nguyễn Đại Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	257.728.103.228	61.052.723.517
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		257.728.103.228	61.052.723.517
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	256.939.375.400	56.689.042.885
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		788.727.828	4.363.680.632
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	814.870	1.413.979
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	3.372.820.591	103.911.839
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	459.017.393	518.397.142
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.042.295.286)	3.742.785.630
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	100.000.000	-
12.	Chi phí khác	32		-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		100.000.000	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.942.295.286)	3.742.785.630
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.942.295.286)	3.742.785.630

Người lập biểu


Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc




Nguyễn Đại Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(2.942.295.286)	3.742.785.630
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		130.175.724	136.913.333
-	Các khoản dự phòng	03		3.372.820.591	(3.402.754.072)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(814.870)	(1.413.979)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		559.886.159	475.530.912
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(145.000.810.265)	(16.236.454.513)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.406.616.580)	5.643.290.003
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		164.284.144.146	15.901.299.685
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.653.808	50.616.000
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		1.449.257.268	5.834.282.087
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	250.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.600.000.000)	(5.811.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		814.870	1.413.979
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.599.185.130)	(5.559.586.021)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

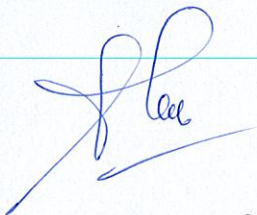
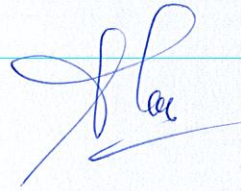
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(149.927.862)	274.696.066
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		332.675.215	57.979.149
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		182.747.353	332.675.215

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Đại Lâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh nguyên liệu sơn.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có Công ty con là:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

08. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	182.747.353	332.675.215
+ Tiền mặt	69.412.873	9.707.143
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	113.334.480	322.968.072
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>182.747.353</u>	<u>332.675.215</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty con		63.192.142.632	(38.793.004.516)	-		61.592.142.632	(35.420.183.925)	-
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn ^(a)	73,79%	63.192.142.632	(38.793.004.516)	-	70,47%	61.592.142.632	(35.420.183.925)	-
Cộng		63.192.142.632	(38.793.004.516)	-		61.592.142.632	(35.420.183.925)	-

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(a): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn tăng do trong năm Công ty mua thêm 1.600.000 cổ phiếu với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu.

Thông tin chi tiết về Công ty con tại ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty con	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	48.265.200.000	35.613.120.000	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	175.267.720.161	31.645.424.893
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	171.545.122.160	5.626.719.362
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	2.057.423.350	24.353.530.880
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.665.174.651	1.665.174.651
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	175.267.720.161	31.645.424.893

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	136.092.685	136.092.685
Cộng	136.092.685	136.092.685

04. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Phải thu ngắn hạn khác	5.713.808.001	(5.384.434.305)	5.714.747.251	(5.384.434.305)
- Tạm ứng	250.000.000	-	250.000.000	-
- Phải thu khác	5.463.808.001	(5.384.434.305)	5.464.747.251	(5.384.434.305)
+ Công ty CP Bao bì và DV Sam Thịnh	525.756.120	(525.756.120)	525.756.120	(525.756.120)
+ Công ty CP Nhựa Sam Phú	262.878.059	(262.878.059)	262.878.059	(262.878.059)
+ Công ty CP Cấp và Vật Liệu Viễn thông Sacom	2.103.024.479	(2.103.024.479)	2.103.024.479	(2.103.024.479)
+ Công ty CP Vật liệu Điện và VT Sam Cường	525.756.120	(525.756.120)	525.756.120	(525.756.120)
+ Bà Nguyễn Thị Dung	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
+ Các khoản phải thu khác	1.846.393.223	(1.767.019.527)	1.847.332.473	(1.767.019.527)
b. Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	5.713.808.001	(5.384.434.305)	5.714.747.251	(5.384.434.305)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

- Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Viễn thông Vina
- Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông Sacom
- Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú
- Công ty Cổ phần Vật liệu điện và VT Sam Cường
- Công ty Cổ phần Bao bì & Dịch vụ Sam Thịnh
- Các đối tượng khác

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	621.939.611	-	621.939.611	-
	2.103.024.479	-	2.103.024.479	-
	262.878.059	-	262.878.059	-
	525.756.120	-	525.756.120	-
	525.756.120	-	525.756.120	-
	2.762.800.683	-	2.762.800.683	-
	6.802.155.072	-	6.802.155.072	-

06. Hàng tồn kho

- Hàng mua đang đi đường
- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Thành phẩm
- Hàng hoá
- Hàng gửi bán
- Hàng hoá kho bảo thuế

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	-	-	-	-
	804.823.028	(804.823.028)	804.823.028	(804.823.028)
	141.953.988	(141.953.988)	141.953.988	(141.953.988)
	-	-	-	-
	19.323.636.406	-	917.019.826	-
	-	-	-	-
	-	-	-	-
	-	-	-	-
	20.270.413.422	(946.777.016)	1.863.796.842	(946.777.016)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.254.391.410	2.963.603.455	118.714.590	6.336.709.455
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.254.391.410	2.963.603.455	118.714.590	6.336.709.455
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.168.619.621	2.963.603.455	118.714.590	5.250.937.666
- Khấu hao trong năm	130.175.724	-	-	130.175.724
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.298.795.345	2.963.603.455	118.714.590	5.381.113.390
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	1.085.771.789	-	-	1.085.771.789
2. Tại ngày cuối năm	955.596.065	-	-	955.596.065

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 3.082.318.045 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
08. Chi phí trả trước				
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-		
<i>b. Dài hạn</i>	-	12.653.808		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	12.653.808		
Cộng	-	12.653.808		
09. Phải trả người bán				
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Trường Phú	193.082.310.298	193.082.310.298	193.082.310.298	193.082.310.298
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	1.220.008.140	1.220.008.140	1.220.008.140	1.220.008.140
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	170.732.529.858	170.732.529.858	170.732.529.858	4.521.098.208
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	-	-	22.284.969.014
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	20.267.937.760	20.267.937.760	20.267.937.760	-
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	861.834.540	861.834.540	861.834.540	861.834.540
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	-	-	-	-
Cộng	193.082.310.298	193.082.310.298	193.082.310.298	28.887.909.902
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	30.123.097	12.239.950	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	-
Cộng	-	30.123.097	15.239.950	28.979.097

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải trả ngắn hạn khác	126.762.327	127.541.577
- Kinh phí công đoàn	31.960.071	31.800.071
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	55.651.330	55.651.330
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.150.926	40.090.176
b. Phải trả dài hạn khác	200.000.000	100.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200.000.000	100.000.000
Cộng	326.762.327	227.541.577

12. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	50.000.000	31.500.000
- Doanh thu nhận trước về cho thuê nhà xưởng	50.000.000	31.500.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	50.000.000	31.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THẮNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(185.464.953.892)	28.253.580.157
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	3.742.785.630	3.742.785.630
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(181.722.168.262)	31.996.365.787
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	(2.942.295.286)	(2.942.295.286)
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(184.664.463.548)	29.054.070.501

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	100	111.000.000.000	100
Cộng	111.000.000.000	100	111.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	111.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	256.543.752.221	59.755.570.877
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.184.351.007	1.297.152.640
Cộng	257.728.103.228	61.052.723.517

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	256.419.521.293	59.554.910.823
- Chi phí kinh doanh bất động sản	519.854.107	640.797.973
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.506.665.911)
Cộng	256.939.375.400	56.689.042.885

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	814.870	1.413.979
Cộng	<u>814.870</u>	<u>1.413.979</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.372.820.591	103.911.839
Cộng	<u>3.372.820.591</u>	<u>103.911.839</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền phạt thu được	100.000.000	-
Cộng	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	207.962.000	316.884.000
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	7.004.695
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.187.448	3.008.181
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.867.945	191.500.266
Cộng	<u>459.017.393</u>	<u>518.397.142</u>

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	207.962.000	316.884.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.175.724	136.913.333
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.038.455	194.660.821
- Chi phí khác bằng tiền	309.695.321	510.736.961
- Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	<u>978.871.500</u>	<u>1.159.195.115</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	232.765.000	303.457.000
Cộng	<u>232.765.000</u>	<u>303.457.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Là Công ty con
Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 – MOMOTA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Cổ đông góp vốn đến hết ngày 30/4/2018

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ đối với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	<u>136.092.685</u>	<u>136.092.685</u>
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - Momota	10.760.420	10.760.420
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	125.332.265	125.332.265
Cộng nợ phải thu	<u>136.092.685</u>	<u>136.092.685</u>

03. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do trên 90% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động bán hàng.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	182.747.353	332.675.215	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	180.731.528.162	37.110.172.144	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	(*)	(*)
Cộng	180.914.275.515	37.442.847.359	-	-

Giá trị sổ sách

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	193.082.310.298	28.887.909.902	(*)	(*)
Vay và nợ	-	-	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	-	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	94.802.256	95.741.506	(*)	(*)
Cộng	193.177.112.554	28.983.651.408	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	193.082.310.298	-	-	193.082.310.298
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	94.802.256	-	-	94.802.256
Cộng	<u>193.177.112.554</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>193.177.112.554</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	28.887.909.902	-	-	28.887.909.902
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	95.741.506	-	-	95.741.506
Cộng	<u>28.983.651.408</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>28.983.651.408</u>

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

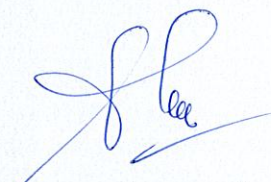
08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu


Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc




Nguyễn Đại Lâm